

Số: **317/2017/QĐST-HNGĐ**

Thành phố B, ngày 14 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

-Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 483/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Anh **Châu Thành C1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 133B, Trương Định, phường 6, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị C2, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 322A, Trương Định, phường 6, thành phố B, tỉnh B.

-Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

-Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

-Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Châu Thành C1 và chị Nguyễn Thị C2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về con chung: Anh Châu Thành C1 và chị Nguyễn Thị C2 có 02 con chung tên Châu Tuấn Đ, sinh ngày 03/8/1988 và Châu Mộng T sinh ngày 20/3/1998 đã trưởng thành.

-Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng: Anh Châu Thành C1 và chị Nguyễn Thị C2 đều không yêu cầu.

-Về tài sản chung: Anh Châu Thành C1 và chị Nguyễn Thị C2 không tranh chấp.

Anh Châu Thành C1 có nghĩa vụ (hỗ trợ) chị Nguyễn Thị C2 số tiền là 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng). Thời gian thực hiện như sau:

+Ngày 15/12/2017 anh C1 giao chị C2 số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng).

+Ngày 04/02/2018 anh C1 giao chị C2 số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày đến hạn giao tiền và kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

-Về nợ chung: Anh Châu Thành C1 và chị Nguyễn Thị C2 đều khai không có.

3. Về án phí:

+Anh Châu Thành C1 phải chịu 325.000 đồng bao gồm 75.000 đồng án phí HNST và 250.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013922 ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B. Anh C1 còn phải nộp thêm số tiền án phí là 25.000 đ (Hai mươi lăm nghìn đồng).

+Chị Nguyễn Thị C2 phải chịu 325.000 đồng bao gồm 75.000 đồng án phí HNST và 250.000 đồng án phí DSST.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA
TAND tỉnh B;
- VKSND TP B
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND phường 6.
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở